

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2018/DSPT

Ngày: 17/4/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Phương Nhi

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 & 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2017/TLPT- DS ngày 01 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DSST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Thái H (C) – sinh năm: 1963

Địa chỉ: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Ngọc T – sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số 292, đường N, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trương Văn H – sinh năm: 1968

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Thái B – sinh năm: 1979

Địa chỉ: số 25, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Dương Văn H2 (Hai M) – sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, Tp. Cần Thơ.

2/. Ông Lê Hùng C (vắng mặt)

Địa chỉ nơi làm việc: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
(phòng quản lý xuất nhập cảnh thành phố Cần Thơ).

Người kháng cáo: Ông Trương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện như sau:

Theo đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 06.12.2012 đến ngày 04.11.2013, ông Trương Văn H có mua thức ăn nuôi cá của ông Lâm Thái H nhiều lần và còn nợ tổng số tiền nợ gốc là 1.125.619.962 đồng. Hợp đồng mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không có lập thành văn bản. Vào ngày 04.11.2013, hai bên ngồi lại đối chiếu công nợ: ông Trương Văn H thống nhất số nợ gốc là 1.125.619.962 đồng và có ký xác nhận nợ, ông Văn H hứa vài tháng sau sẽ trả nợ và chịu lãi chậm trả là 2%/tháng. Sau đó, bị đơn chỉ thanh toán số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng, còn nợ lại 625.619.962đồng đến nay chưa thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá là 625.619.962đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng tính từ ngày 04.11.2013 đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo bị đơn ông Trương Văn H trình bày như sau:

Do chỗ quen biết với ông Dương Văn H2 (hai M) có ao nuôi cá, ông và ông H2 thỏa thuận hùn vốn nuôi cá với nhau. Vào khoảng tháng 12.2012 đến ngày 04.11.2013, ông và ông H2 có mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn nhiều lần, ông H2 là người thỏa thuận giao nhận thức ăn do nguyên đơn giao. Sau đó, ông và ông H2 có đến gặp nguyên đơn để thỏa thuận vấn đề trả nợ, nguyên đơn cũng thống nhất đồng ý việc ông Văn H và ông H2 sẽ cùng chung trách nhiệm trả nợ. Hai bên ngồi lại đối chiếu công nợ, do chỗ quen biết và tin tưởng nhau nên ông Văn H đại diện đứng ra ký nhận “Bảng đối chiếu công nợ” với nguyên đơn vào ngày 04.11.2013 thừa nhận còn nợ số tiền 1.125.619.962 đồng mà không yêu cầu ông H2 cùng ký tên vào. Sau đó, ông có trả cho nguyên đơn được tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng, nay thống nhất là ông và ông H2 còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 625.619.962đồng, trong đó phần của ông H2 là 489.570.860đồng và phần của ông là 136.049.102đồng.

Tóm lại, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông thống nhất còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc 625.619.962đồng nhưng ông yêu cầu ông Dương Văn H2 phải cùng chung trách nhiệm trả nợ, phần của ông H2 là 489.570.860đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H2 (tên gọi khác là Hai M) trình bày: Ông thống nhất theo như lời trình bày của ông Trương Văn H: giữa ông, ông C và ông Văn H có hùn vốn nuôi cá với nhau và cùng mua thức ăn nuôi cá của ông Lâm Thái H. Ông thống nhất ông và ông Trương Văn H còn nợ ông Lâm Thái H tổng số tiền 625.619.962đồng, trong đó phần của ông là 489.570.860đồng, phần của ông Trương Văn H là 136.049.102đồng. Nay ông đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là 489.570.860đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng C, tại biên bản ghi lời khai ngày 11.5.2017 trình bày như sau:

Từ cuối năm 2009, ông có hùn vốn nuôi cá với ông Trương Văn H, trên cơ sở thỏa thuận ông hùn tiền đầu tư còn các trách nhiệm liên quan với các đối tác làm ăn khác thì ông Văn H tự chịu trách nhiệm, ông chỉ chịu trách nhiệm với ông Văn H. Việc mua thức ăn nuôi cá là do ông Văn H quyết định, ông C không biết. Nay ông không đồng ý cùng chung trách nhiệm với ông Trương Văn H để trả nợ cho ông Lâm Thái H.

Vụ kiện được Tòa án nhân dân quận T tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DSST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn H và ông Dương Văn H2 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Thái H số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá: nợ gốc là 625.619.962đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng) và tiền lãi 204.108.000đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm lẻ tám ngàn đồng). Vậy tổng số tiền phải thanh toán là 829.727.962 (Tám trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó, ông Trương Văn H và ông Dương Văn H2 mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Thái H số tiền 414.863.981đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8/2017, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông thừa nhận có mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn. Tính đến ngày 19/7/2013 tổng số tiền nợ thức ăn gốc là 1.709.400.000đồng, phía nguyên đơn đã tính lãi gộp trong số nợ 625.619.962 đồng. Nay, bị đơn chỉ đồng ý chịu trách nhiệm 1/3 trên số nợ gốc còn lại là 309.400.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ông yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Đại diện nguyên đơn cho rằng: Phía nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ do bị đơn ký nhận nên đây là căn cứ để yêu cầu trách nhiệm của ông Văn H; còn việc ông Văn H hùn hạp với ai là chuyện của nội bộ những người này với nhau. Tuy rằng án sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm liên đới của ông Văn H và H2 là làm thiệt thời quyền lợi cho nguyên đơn nhưng vì vụ kiện giải quyết đã lâu nên nguyên đơn chấp nhận không kháng cáo và như thế đã có lợi cho bị đơn. Ông yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

****Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:***

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia phiên tòa chấp hành tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng về thời hạn kháng cáo, cũng như nộp dự phí kháng cáo.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các bên thừa nhận có đối chiếu công nợ để xác nhận số tiền còn nợ tính đến ngày 04/11/2013 là 1.125.619.000đồng. Từ giai đoạn xét xử sơ thẩm đến phúc thẩm xác định thời gian trả số tiền 500 triệu đồng còn lại lần lượt cụ thể theo các ngày cụ thể như sau: ngày 05/11/2014 trả 300 triệu đồng; ngày 17/2/2015 trả 100 triệu đồng và ngày 04/11/2015 trả 100 triệu đồng. Như vậy Tòa án sơ thẩm tính lãi buộc bị đơn phải trả trên số nợ còn lại và tính lãi từ ngày 4/11/2013 là chưa chính xác mà phải tính lại tiền lãi mới phù hợp. Ngoài ra đề nghị xem xét lại trách nhiệm trả nợ của các bên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: sửa án sơ thẩm, sửa án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng mua bán mà hai bên đã giao kết nên cấp sơ thẩm thụ lý xét xử theo quan hệ pháp luật về “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đã được nộp tạm ứng trong hạn luật định nên được xem xét về mặt hình thức.

Xét nội dung đơn kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn H cho rằng nợ gốc mà ông thiếu nguyên đơn là 1.709.400.000đ và khoảng thời gian từ ngày 04/11/2013 đến ngày 04/10/2015 thì ông đã trả thêm cho nguyên đơn 1.400.000.000đ nên nợ gốc chỉ còn lại là 309.000.000đ nên ông chỉ đồng ý trả 154.500.000đ (sau khi chia đôi với ông Dương Văn H2) và tiền lãi phải được tính từ ngày 04/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm chứ không phải tính từ ngày 04/11/2013.

Đối với yêu cầu kháng cáo bị đơn cho rằng chỉ có trách nhiệm trả nợ gốc là 154.500.000đ. Xét thấy, phía bị đơn xác định tổng nợ gốc là 1.709.400.000đ nhưng theo bảng đối chiếu công nợ mà hai bên đã thống nhất là 1.889.570.860đ, và cho rằng đã trả cho nguyên đơn thêm 1.400.000.000đ sau ngày 04/11/2013 nhưng ông không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn chỉ thừa nhận 500.000.000đ nên kháng cáo phần nợ gốc là không có căn cứ. Đối với việc chia tỷ lệ trả nợ phía bị đơn là người trực tiếp ký tên trong bảng đối chiếu công nợ nên chưa có căn cứ để chia tỷ lệ trách nhiệm trả nợ như bị đơn đã nại ra.

Đối với yêu cầu xem xét lại phần nợ lãi: Bị đơn yêu cầu tính lãi nếu có từ ngày 05/10/2015. Xét thấy, theo khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì thời gian trả nợ được xác định vào các thời điểm cụ thể như sau: ngày 05/11/2014 trả 300 triệu đồng; ngày 17/2/2015 trả 100 triệu đồng và ngày 04/11/2015 trả 100 triệu đồng. Như vậy Tòa án sơ thẩm tính lãi buộc bị đơn phải trả trên số nợ còn lại và tính lãi từ ngày 04/11/2013 là chưa chính xác nên phải tính lại tiền lãi, giả thuyết tương ứng như sau:

- Tính từ ngày 4/11/2013 đến ngày ngày 05/11/2014: trên số tiền 1.125.619.000đồng x 12 tháng x 0,75%/ tháng = 101.304.000 đ (1)

Tính trên số tiền gốc lúc này là 1.125.619.000đồng - 300.000.000 đồng = 825.619.000đ;

- Tính lãi từ 05/11/2014 đến ngày 17/2/2015 trả được 300 triệu đồng, tương ứng: 825.619.000đ x 3 tháng 12 ngày x 0,75%/ tháng = 21.052.000đồng (2)

- Tính trên số tiền gốc lúc này là 725.619.000đ;

Tính lãi từ 17/2/2015 đến ngày 4/11/2015 trả được 100 triệu đồng, tương ứng: 725.619.000đ x 8 tháng 17 ngày x 0,75%/ tháng = 46.619.000đồng (3)

-Tính trên số tiền gốc lúc này là 615.619.000đ;

Tính lãi từ ngày 04/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/7/2017 tương ứng: $625.619.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 0,75\% / \text{tháng} = 97.280.000 \text{ đồng}$ (4)

Tổng cộng: (1)+ (2) + (3)+ (4) = 266.255.000 đồng

Xét thấy, bị đơn cho rằng đã trả nợ cho nguyên đơn từ ngày 04/11/2013 đến ngày 04/10/2015 nếu đã xác định thời điểm như đã nêu trên thì số tiền lãi bị đơn phải trả cao hơn số tiền lãi mà án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên nguyên đơn chấp nhận bị đơn đã trả 500.000.000đ và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 625.619.962đồng và lãi từ ngày 04/11/2013 là đã có lợi cho bị đơn. Nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Việc Viện kiểm sát đề nghị tính lại lãi như đã phân tích nêu trên là không có lợi cho bị đơn nên không cần thiết phải sửa án như Viện kiểm sát đề nghị.

Các phần khác của án sơ thẩm không ai kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 305; 428 và 438 của Bộ luật Dân sự 2005.
- Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015.
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án 2009 và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Bác kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn H và ông Dương Văn H2 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Thái H số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá: nợ gốc là 625.619.962đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng) và tiền lãi 204.108.000đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm lẻ tám ngàn đồng). Vậy tổng số tiền phải thanh toán là 829.727.962 (Tám trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó, ông Trương Văn H và ông Dương Văn H2

mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Thái H số tiền 414.863.981đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn H và ông Dương Văn H2 mỗi người phải nộp số tiền 20.594.500đồng (Hai mươi triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn, năm trăm đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 14.512.000đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười hai ngàn đồng) đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự Quận T theo biên lai thu tiền số 002486 ngày 27.10.2015.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 002484 ngày 27/10/2017, ông Trương Văn H còn phải nộp thêm 100.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang